

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 21 tháng 10 năm 2024

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hải Đăng	TTCM=3t, ĐT 9	8C1	Toán 8C1,9D2 = 8 tiết; TN,HN 8C1 = 3 tiết	19	
2	Lê Viết Cường	TP = 1tiết,TTND=2t		Toán 7B1,B2,8C5 = 12 tiết; TN,HN 7B1 = 3 tiết;	18	Xếp TKB
3	Nguyễn Hải Yến		6A3	Toán 6A3, 9D3,4= 12 tiết; Tin 7B1,2,3, 4,5=5t	21	
4	Nguyễn Thị Nguyệt		6A2	Toán 6A2,8C4 = 8 tiết; HĐTN,HN 6A2= 3 tiết, Công nghệ khối 6 =4t	19	
5	Nguyễn Thị Thu Tinh	TKHD,ĐT	7B4	Toán (7B4) = 4 tiết, Tin học K9 =4t, Tin 8=5, Tin K6=4t	23	
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	Con nhỏ=3t, ĐT8	6A1	Toán (6A1,9D1) = 8 tiết; HĐTN,HN6A1= 3 tiết	19	
7	Hoàng Thị Thu		8C2	Toán (7B5, 8C2, 8C3) = 12 tiết; HĐTH,HN 8C2 = 3 tiết;	19	
8	Lê Thị Thắm	CĐ=1t		CNghệ K9 = 4 tiết, Công nghệ 7B1,2,4,5= 4 tiết, CN8C1,2,3,4,5 = 10 tiết	19	
9	Lê Thị Thanh		7B3	Toán (7B3) = 4 tiết; Lý K7= 5 tiết; TN,HN 7B3 = 3 tiết, GDĐP 6A3,4=2t, Công nghệ 7B3=1t	19	
10	Lê Hồng Nhung	TTCM=3t, ĐT8,9	9D1	N.Văn (9D1,D2,8C1) = 12 tiết	19	
11	Nông Thị Thu Thảo		7B2	N.Văn (7B2,B3) = 8 tiết; Sử 6A1,2=2t, Sử 7B4=2t, TNH 7B2=3t	19	
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐT,CĐ=1t		N.Văn (6A1, 6A2) = 8 tiết; GDCDK8,K9 = 9 tiết, GDĐP 8C3,4,5=3t	22	
13	Hà Thị Anh Thơ	TPCM = 1tiết, ĐT 8	8C3	N.Văn (8C2,3,9D4) = 12 tiết, THHN 8C3= 3t; Văn 7B4=4t	24	
14	Nguyễn Thị Bầy		6A4	N.Văn (6A4,C4,5) = 12 tiết; Lịch sử (6A3,4) = 2 tiết, GDCD 7= 5t	23	
15	Nguyễn Thị Ngọc		7B5	N.Văn (7B5,6A3) = 8 tiết; , Sử 7B5=2t, GDĐP 9D1,2=4t,	19	
16	Đoàn Thị Thanh Huệ	CĐ, ĐT 8,9		Lịch sử K9 = 8 tiết, K8= 5 tiết; Lịch sử 7B1,2,3= 6 tiết	19	
17	Phạm Thị Lan	ĐT 9	9D3	N.Văn (9D3,7B1) = 8 tiết; GDCD khối 6 = 4 tiết; GDĐP 9D3,4=4t	20	
18	Đỗ Thị Huệ	TTCM=3t, ĐT 9	7B1	NNgữ 9D1= 3t; NNgữ 6A1,7B1,8C1= 9 tiết	19	
19	Nguyễn Ánh Dương			NNgữ (6A3,A4 +7B3,7B4,B5) = 15t; TN,HN 6A4 = 3 tiết; GDĐP 6A2=1t	19	
20	Nguyễn Thị Hương	ĐT 8	9D2	NNgữ 9D2,4; 8C2,7B2 = 12 tiết; NNgữ 6A2=3t;	19	
21	Cao Thị Lan			NNgữ 9D3,8C3,4,5= 12t; HĐTN,HN 9D1,7B4= 6 tiết, GDĐP 6A1=1t	19	
22	Hà Thị Huệ			GDTC K6=8t; GDTCK7=10t;	18	
23	Nguyễn Thị Lương	TPCM=1t, ĐT 8,9		Sinh K9 = 4 tiết ; Sinh K8= 5 tiết; Sinh 7 = 5 tiết; TN,HN 8C4= 3 tiết;	19	
24	Đoàn Thị Hậu		9D4	Hóa 9D4 = 2 tiết; TN,HN 9D4= 3 tiết, Địa lý Khối 8 = 10 tiết	19	
25	Phạm Thị Hoàng Hải			Sinh K6= 8t; GDĐP Khối 7= 5 tiết, Hóa 7B3,4,5=6t	19	
26	Hoàng Thị Thảo Ly	CĐ=1t, ĐT 8	8C5	Hóa 8C5, 8C1=4t; Hóa K6= 4 tiết; TH,HN 8C5=3t; Hóa 7B1=2t	19	
27	Phạm Thị Hồng Vân			Nhạc K6,8,9=13t; TN,HN 9D2=3t; TH,HN 7B5=3t	19	
28	Trịnh Thị Thùy	TPT		Nhạc K7 = 5 tiết; HĐTH,HN 9D3 = 3 tiết	19	
29	Trịnh Như Quỳnh			GDTC K9,K8 =18 tiết	18	

Trường: THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH
Năm học 2024- 2025
Học kỳ 1

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 21 tháng 10 năm 2024

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
30	Lê Thị Hoa	ĐT 9	8C4	Hóa 9D1,2,3= 6t, Hóa 8C2,3,4 = 6 tiết; Hóa 7B2=2t	19	
31	Nguyễn Thu Vân	ĐT 8,9		Địa lý K7 = 5 tiết; Địa K9= 4 tiết, Địa 6=8t,	19	
32	Nguyễn Thị Luyện	Thiết bị, ĐT 8,9		Lý K9= 4 tiết, Lý K8= 5 tiết, Lý K6= 4 tiết; TH,HN 6A3=3t	19	
33	Đặng Thị Thảo -HT			GDĐP 8C1, 8C2	2	
34	Hoàng Thị Tuyền-PHT			Toán 6A4	4	
35	Dương Quốc Phong	Đưa tin trang Wed		Mĩ thuật K6,7,8,9	19	

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thảo